TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Quyên.

Ông Lê Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Trong các ngày 28-8-2025 và ngày 15-9-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Vũ L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Linh vắng mặt có đơn, chị C vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Phan Vũ L: Vào năm 2009, anh L và chị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên là Phan Trần Mỹ Q, sinh ngày 21-9-2010 và Phan Trần Vũ D, sinh ngày 11-5-2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống và đã ly thân

từ năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay anh L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Anh Phan Vũ L yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ C; Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Trần Mỹ Q, sinh ngày 21-9-2010 và Phan Trần Vũ D, sinh ngày 11-5-2012 (Hiện nay cháu Q và cháu D đang sống chung với chị C), anh L đồng ý giao 02 con chung cho chị C nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng cấp nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Mỹ C: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Phan Vũ L có đơn xin vắng mặt; Bị đơn Trần Thị Mỹ C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: A và chị C sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) ngày 25-8-2009 nên hôn nhân của anh L và chị C là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa anh L và chị C có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm không còn nên anh L khởi kiện ly hôn với chị C tại Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trần Thị Mỹ C và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn chị Trần Thị Mỹ C không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Phan Vũ L cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của anh Phan Vũ L nên yêu cầu của anh Phan Vũ L là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh L và chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục

đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Vũ L đối với chị Trần Thị Mỹ C.

[2.2] Về con chung: Anh L1 và chị C có 02 con chung tên Phan Trần Mỹ Q, sinh ngày 21-9-2010 và Phan Trần Vũ D, sinh ngày 11-5-2012. Nay ly hôn anh L1 đồng ý giao 02 con chung cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L1 không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Q và cháu D đang sống chung với chị C và anh L1 cũng tự nguyện giao cháu Q và cháu D cho chị C nuôi dưỡng, do chị C không ý kiến phản đối gì đối với ý kiến của anh L1 và hiện tại chị C không có mặt tại phiên tòa, nên xét thấy ý kiến của anh L1 phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Phan Trần Mỹ Q, sinh ngày 21-9-2010 và Phan Trần Vũ D, sinh ngày 11-5-2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Mỹ C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Vũ L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Phan Vũ L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Mỹ C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Phan Vũ L theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vậy anh Phan Vũ L chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006467 ngày 14-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh Phan Vũ L đã nộp đủ án phí. Chị Trần Thị Mỹ C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Vũ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Vũ L được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trần Mỹ Q, sinh ngày 21-9-2010 và Phan Trần Vũ D, sinh ngày 11-5-2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Mỹ C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Vũ L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Phan Vũ L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Mỹ C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Phan Vũ L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Phan Vũ L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006467 ngày 14-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh Phan Vũ L đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị Mỹ C không phải chịu án phí.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 12-Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương